CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIM HƯNG
KIM HUNG CONSTRUCTION INVESTMENT CONSULTANT LIMITED COMPANY
Địa chỉ : 61/70/33A Đường số 59 – Phường An Hội Tây - TP.HCM, ĐT: 0974314557
Email :kimhungconstruction@gmail.com

SỞ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số :.....
Ngày : 13-04-2026
Chuyển :.....
.....
Số và ký hiệu HS :...HTVLXD

HỒ SƠ CÔNG BỐ NĂNG LỰC

HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

*****

Tp. Hồ Chí Minh 2026

CÔNG TY TNHH TV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIM HƯNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.** -----***-----
Số: 104/CBTT/KH.2026	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2026*

CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: **Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh**

- *Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

- *Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

- *Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;*

- *Thực hiện Công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15/01/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.*

Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kim Hưng công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kim Hưng.

Quyết định thành lập số: 0311911090 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 08 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Địa chỉ: Số 61/70/33A Đường số 59, Phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0311911090 Email: kimhungconstruction@gmail.com

Điện thoại: 0974.314.557 Website: www.kimhungconstruction.com

2. Thông tin Phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm địa kỹ thuật và Kiểm định Xây dựng

(Đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 232/GCN-BXD ngày 04 tháng 08 năm 2022 của Bộ Xây dựng. Mã số: LAS-XD 340)

Địa chỉ: Số 61/70/33A Đường số 59, Phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0974.314.557 Email: vangarcbuiding@gmail.com

3. Thông tin về trạm thí nghiệm hiện trường: Không có trạm thí nghiệm hiện trường

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn thí nghiệm tương ứng, máy móc thiết bị tương ứng, thí nghiệm viên tương ứng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
I	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG**			
1	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	-Bay, xẻng, bao..	Trần Kim Vang Huỳnh Tấn Huy Lê Thị Hải Yến
2	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; TCVN 8735:2012; ASTM D854-23 ASTM D5550-23; BS 1377-2:2022; AASHTO T100-22	-Cân điện tử 5000g/0.01g -Bình tỷ trọng 250mL; -Tủ sấy. -Cối chày sứ, phễu, cốc nhỏ có nắp -Sàng -Bình hút chân không	
3	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-19; ASTM D4959-16; AASHTO T265-22	-Tủ sấy; -Cân điện tử 5000g/0.01g; -Bình hút chân không; -Rây 1mm. -Dao vòng	
4	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; TCVN 14134-4:2024 ASTM D4318-17E1 AASHTO T89-22 AASHTO T90-22	-Rây 1mm; -Cân điện tử 5000g/0.01g; -Tủ sấy; -Dụng dụ Casagrande.	
5	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; TCVN 14134-3:2024, TCVN 14135-5:2024 ASTM D422-22; ASTM D1140-17; ASHTO T27-23	-Cân 15000g/ 0.5g; -Cân điện tử 5000g/0.01g; -Đồng hồ bấm giây -Nhiệt kế. -Sàng -Cối, chày -Tỷ trọng kế	
6	Xác định sức chống cắt của đất	TCVN 4199:1995; ASTM D3080/D3080M-23; AASHTO T236-22	-Máy cắt một phẳng – Loại A: lực cắt tác dụng trực tiếp, dao vòng cắt, tấm nén truyền lực, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang.	
7	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435-20 AASHTO T216-22	-Máy tam liên, đồng hồ so -Cân 15000g/ 0.5g; -Tủ sấy; -Thước đo góc 90o -Thước đo 0-600mm, giá trị vạch chia 0.5mm. -Dao vòng, dao gọt đất, thước, tấm kính	
8	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén Proctor	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020 ASTM D1557-12 (2021) AASHTO T99-22	-Cối đầm tiêu chuẩn; -Cối đầm cải tiến; -Sàng 19mm; Sàng 5mm; -Cân 15000g/ 0.5g.	
9	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012, ASTM D7263-21	-Dao vòng; -Thước cặp; -Tủ sấy -Cân điện tử 5000g/0.01g; -Bình hút ẩm	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên phụ trách
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10	Thí nghiệm nén một trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166/D2166M-24	-Máy 1 trục (Qu). -Cân 15000g/0.5g; -Thước cặp -Đồng hồ bấm giây -Khay đựng mẫu	Trần Kim Vang Huỳnh Tấn Huy Lê Thị Hải Yến
11	Xác định sức kháng cắt không cố kết – không thoát nước và cố kết – thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011; ASTM D2850-24; ASTM D4767-11(2020) AASHTO T296-22	-Máy ba trục và phụ kiện kèm them -Thiết bị đo thể tích nước thay đổi	
12	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2434/D2434M-22	-Dụng cụ đo thấm, bể chứa nước, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật 5000g/0.1g, tủ sấy	
13	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012; ASTM D1883-21	-Xác định góc dốc của đất rời bằng dụng cụ kiểu quang treo	
14	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất và độ chặt tương đối của đất rời	TCVN 8721:2012	-Cối đầm cải tiến -Cân 15000g/ 0.5g -Tủ sấy -khay đựng; chày; thùng đựng nước 10l; thước cặp; đồng hồ bấm giây; dao trộn	
15	Thí nghiệm cắt trực tiếp dưới điều kiện thoát nước	AASHTO T236-22	-Hộp cắt, dao vòng, máy cắt phẳng	
VIII	**THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG**			
16	Xác định khối lượng thể tích, độ chặt đất hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; ASTM D2937-17e2	-Cân 15000g/ 0.5g -Sàng 5mm, tủ sấy, dao gạt đất, dao đai, búa, bàn chải lông	Trần Kim Vang Huỳnh Tấn Huy Lê Thị Hải Yến
17	Xác định khối lượng thể tích, độ chặt hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; AASHTO T191-14(2022); ASTM D1556/D1556M-24	-Bộ phễu rót cát, Cát chuẩn: lọt qua sàng 2,36mm và nằm trên sàng 0,3mm, Cân 15kg/0.5g, Các dụng cụ khác: dao, cuốc nhỏ,xô có nắp, hộp đựng mẫu ẩm	
18	Cọc - Phương pháp thí nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.	TCVN 9393:2012 ASTM D1143/D1143M-20e1	-Bộ Kích Thủy Lực; -Đồng hồ áp; Đồng hồ so	Trần Kim Vang
19	Xác định môdun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D4395-17	-Hệ thống đo lường độ lún; đo lường tải trọng; Đồng hồ bấm giờ; -Tấm nén dày >30mm.	Trần Kim Vang Huỳnh Tấn Huy
20	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012	-Máy khoan địa chất XY-1, -Búa đóng SPT. -Đầu xuyên SPT.	

2. Danh mục máy móc, thiết bị thí nghiệm

STT	Tên thiết bị, dụng cụ và thông số cơ bản của thiết bị	Số Serial	Hồ sơ chứng minh (Hợp đồng mua bán)	Kiểm định/ Hiệu chuẩn	Ghi chú
				Hiệu chuẩn	
1.	Máy tam liên, Model:WC-3B, Trung Quốc	250829	26HT-199XN/HĐKT	Hiệu chuẩn	
2.	Máy kiểm tra độ chống cắt của đất đa tốc độ, Xuất xứ: Trung Quốc	250834	26HT-199XN/HĐKT	Hiệu chuẩn	
3.	Máy một trục nở hông 1. Lực tối đa: 0.6KN 2. Xuất xứ: Trung Quốc	05XC	26HT-199XN/HĐKT	Hiệu chuẩn	
4.	Tủ sấy 101-2 Tủ sấy 300C, dung tích 136lít; Đồng hồ hiển thị số Xuất xứ: Trung Quốc	2712182209	26HT-199XN/HĐKT	Hiệu chuẩn	
5.	Bơm hút chân không	VE115N	26HT-199XN/HĐKT	Hiệu chuẩn	
6.	Máy ba trục, model Auto Mach Hãng sản xuất Hưng Thinh Xuất xứ: Việt Nam Hãng sản xuất : Better United Lực nén tối đa: 30KN 1. Kích thước mẫu vật: 39,1mm * 80mm 2. Tải trọng dọc trục: 0-30kn, độ dịch chuyển dọc trục: 0-30mm 3. Áp suất giới hạn: 0 – 1.0MPa 4. Áp suất ngược: 0 – 0.6MPa 5. Áp lực lỗ rỗng: 0mpa-1mpa 6. Thay đổi thể tích: 0-25ml, Độ chia tối thiểu: 0,1ml	260229	26HT-199XN/HĐKT	Hiệu chuẩn	
7.	Máy khoan thăm dò địa chất XY- 1; chiều sâu khoan 100 mét	NA	26HT-199XN/HĐKT		
8.	Đồng hồ đo biến dạng 0-50mm	WHX 469	26HT-199XN/HĐKT	Hiệu chuẩn	
9.	Đồng hồ đo biến dạng 0-50mm	WTQ 034	26HT-199XN/HĐKT	Hiệu chuẩn	
10.	Đồng hồ đo biến dạng 0-50mm	252085	26HT-199XN/HĐKT	Hiệu chuẩn	
11.	Đồng hồ đo biến dạng 0-10mm	00351	26HT-199XN/HĐKT	Hiệu chuẩn	
12.	Dao vòng xác định Gama của đất thép	*-NA-*	26HT-199XN/HĐKT		
13.	Dao vòng xác định Gama của đất	*-NA-*	26HT-199XN/HĐKT		
14.	Kích thủy lực 1000kN	*-NA-*	26HT-199XN/HĐKT	Hiệu chuẩn	
15.	Đồng hồ đo áp suất Phạm vi đo (0-400)Kg/cm^2 Giá trị vạch chia: 1 Kg/cm^2	*-NA-*	26HT-199XN/HĐKT	Kiểm định	
16.	Cân kỹ thuật điện tử 15000g, độ chia nhỏ nhất 0.5g	*-NA-*	26HT-199XN/HĐKT	Kiểm định	

STT	Tên thiết bị, dụng cụ và thông số cơ bản của thiết bị	Số Serial	Hồ sơ chứng minh (Hợp đồng mua bán)	Kiểm định/ Hiệu chuẩn	Ghi chú
				Hiệu chuẩn	
17.	Cân kỹ thuật điện tử 5000g, giá trị chia nhỏ nhất 0.01g	-NA-	26HT-199XN/HĐKT	Kiểm định	
18.	Phễu rót cát đế thép - Việt Nam Xuất xứ:- VN	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
19.	Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, dung tích 250 ml	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
20.	Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, dung tích 100 ml;	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
21.	Tỷ trọng kế đo đất ASTM E100 151H, phạm vi đo 0,995-:-1,038 sp.gr, độ phân giải 0,001 sp.gr	-NA-	26HT-199XN/HĐKT	Hiệu chuẩn	
22.	Nhiệt kế rượu	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
23.	Bình khối lượng riêng	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
24.	Bộ thí nghiệm giới hạn chảy của đất Casagrande - Trung Quốc	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
25.	Bộ Vaxilieps - Trung Quốc Dụng cụ chảy , dẻo CD-1	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
26.	Ống đong thuỷ tinh 1000ml Xuất xứ: Trung Quốc	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
27.	Ống đong thuỷ tinh 500ml Xuất xứ: Trung Quốc	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
28.	Ống đong thuỷ tinh 100ml Xuất xứ: Trung Quốc	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
29.	Bình tỷ trọng đất 100ml	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
30.	Bình tam giác 100ml	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
31.	Bình tam giác 250ml	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
32.	Bình tam giác 500ml	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
33.	Dao vòng 61,8x20 mm Dao cắt đất 30cm2	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
34.	Cối chày đồng	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
35.	Chày Proctor tiêu chuẩn	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
36.	Chày Proctor cải tiến	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
37.	Bộ thí nghiệm góc nghỉ của vật liệu rời	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
38.	Bộ thiết bị cối đầm tiêu chuẩn	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
39.	Bộ thiết bị cối đầm cải tiến	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
40.	Sàng cốt liệu 0.08mm; Đường kính 300mm x 60mm	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
41.	Sàng cốt liệu 0.14mm; Đường kính 300mm x 60mm	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
42.	Sàng cốt liệu 0.315mm; Đường kính 300mm x 60mm	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
43.	Sàng cốt liệu 0.63mm; Đường	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		

STT	Tên thiết bị, dụng cụ và thông số cơ bản của thiết bị	Số Serial	Hồ sơ chứng minh (Hợp đồng mua bán)	Kiểm định/ Hiệu chuẩn	Ghi chú
				Hiệu chuẩn	
	kính 300mm x 60mm				
44.	Sàng cốt liệu 1.25mm; Đường kính 300mm x 60mm	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
45.	Sàng cốt liệu 2.5mm; Đường kính 300mm x 60mm	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
46.	Sàng cốt liệu 5.0mm; Đường kính300mm x 60mm	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
47.	Sàng cốt liệu 10mm; Đường kính 300mm x 60mm	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
48.	Đồng hồ bấm giây hiện số	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
49.	Sàng cốt liệu 75mm; Đường kính 200mm x 50mm	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
50.	Sàng cốt liệu 19.1mm; Đường kính 200mm x 50mm	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
51.	Sàng cốt liệu 4.75mm; Đường kính 200mm x 50mm	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
52.	Sàng cốt liệu 2.0mm; Đường kính 200mm x 50mm	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
53.	Sàng cốt liệu 0.425mm; Đường kính 200mm	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
54.	Sàng cốt liệu 0.075mm; Đường kính 200mm x 50mm	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
55.	Thước ke góc vuông	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
56.	Sensor điện tử	XODO138	26HT-199XN/HĐKT		
57.	Bộ thiết bị đo K bằng rót cát	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
58.	Bộ thiết bị dao vòng đo K	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
59.	Bộ Bơm chân không	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
60.	Bình hút chân không	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
61.	Dầm thử tải thép hình gia công	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		
62.	Tải bê tông thử tải 1mx2m	-NA-	26HT-199XN/HĐKT		

3. Danh sách cán bộ quản lý, thí nghiệm viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đào tạo
1	Trần Kim Vang	Trưởng phòng	+ Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng; + Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo ISO/IEC 17025:2017; + Sơ cấp nghề thí nghiệm ngành xây dựng công trình giao thông; + Thí nghiệm kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc
2	Huỳnh Tấn Huy	Thí nghiệm viên	+ Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng; + Sơ cấp nghề thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đương bộ
3	Lê Thị Hải Yến	Thí nghiệm viên	+ Cao đẳng công nghệ hoá; + Thí nghiệm về phương pháp xác định tính chất cơ-lý của đất trong phòng và hiện trường.

Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kim Hưng cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong bản công bố; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong danh mục đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công bốvà tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(Ký tên, đóng dấu)